

Số: /2016/TTLT-TANDTC-BNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC PHỐI HỢP GIỮA TÒA ÁN NHÂN DÂN VÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CỦA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI ĐỂ TỔNG ĐẠT VĂN BẢN TỐ TỤNG CHO ĐƯƠNG SỰ Ở NƯỚC NGOÀI TRONG CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ VÀ VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật tố tụng hành chính ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư liên tịch quy định về việc phối hợp giữa tòa án nhân dân và cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự và vụ án hành chính.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định về việc phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 303 của Luật tố tụng hành chính và khoản 13 Điều 8 của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự và vụ án hành chính khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Đương sự là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú, cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại nước mà nước đó không phản đối cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án Việt Nam cho các đương sự đó.
2. Tòa án của Việt Nam không được phép tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự theo đường bưu chính đã được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc điểm c khoản 1 Điều 303 của Luật tố tụng hành chính do nước nơi đương sự cư trú hoặc có trụ sở phản đối nước khác tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính cho các đương sự đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư liên tịch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận là cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan đại diện lãnh sự.
2. Cơ quan đại diện ngoại giao là Đại sứ quán; Cơ quan đại diện lãnh sự là Tổng Lãnh sự quán và Lãnh sự quán.
3. Người nước ngoài là công dân của quốc gia tiếp nhận, người không quốc tịch và công dân nước khác cư trú tại quốc gia tiếp nhận mà quốc gia này không phản đối cách thức tổng đạt thông qua cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam.
4. Người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt văn bản tố tụng là đương sự quy định tại Điều 152 và Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự.
5. Chi phí tổng đạt văn bản tố tụng là các chi phí sau đây:

- a) Chi phí để Tòa án gửi văn bản tố tụng theo đường bưu chính đến cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận;
 - b) Chi phí để cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận gửi văn bản tố tụng theo đường bưu chính cho đương sự cư trú hoặc có trụ sở tại quốc gia đó;
 - c) Chi phí do ngân hàng thu khi người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt nộp tiền vào tài khoản của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận;
 - d) Chi phí dịch, công chứng bản dịch hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự là người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài;
- đ) Lệ phí tổng đạt theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 4. Thẩm quyền tổng đạt văn bản tố tụng

Cơ quan có thẩm quyền tổng đạt văn bản tố tụng là Tòa án nhân dân các cấp. Trong trường hợp Viện kiểm sát nhân dân ban hành các văn bản tố tụng liên quan đến đương sự ở nước ngoài, thì Viện kiểm sát đã ban hành văn bản tố tụng áp dụng các quy định của Thông tư liên tịch này để tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài.

Điều 5. Hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng

1. Hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng gồm có các văn bản sau đây:

- a) Văn bản đề nghị tổng đạt văn bản tố tụng và thông báo kết quả thực hiện tổng đạt được lập theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;
 - b) Văn bản tố tụng cần phải tổng đạt;
 - c) Văn bản thông báo cho đương sự gửi lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án (nếu có);
 - d) Văn bản mà đương sự ở trong nước đề nghị Tòa án hỗ trợ gửi cho đương sự ở nước ngoài (nếu có);
- đ) Chứng từ nộp tiền vào tài khoản ngân hàng nơi cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận mở tài khoản.

2. Họ, tên, địa chỉ của đương sự trong văn bản quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này phải được ghi đầy đủ, cụ thể, chi tiết theo đúng tài liệu, giấy tờ xác thực họ, tên, địa chỉ mà người khởi kiện, người yêu cầu hoặc đương sự khác cung cấp cho Tòa án.

3. Trường hợp cần phải tổng đạt cho một hoặc nhiều đương sự có địa chỉ khác nhau, thì hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng phải được lập theo từng địa chỉ của đương sự. Họ, tên, địa chỉ của đương sự phải được ghi đúng theo giấy tờ, tài liệu xác thực do người khởi kiện, người yêu cầu hoặc đương sự khác cung cấp cho Tòa án. Tòa án không được phiên âm ra tiếng Việt đối với họ, tên, địa chỉ ghi bằng tiếng nước ngoài của đương sự.

Điều 6. Dịch hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng

- 1. Tòa án có trách nhiệm dịch hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng tại tổ chức dịch thuật ở trong nước.
- 2. Tòa án chỉ yêu cầu dịch các văn bản, giấy tờ quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều 5 của Thông tư liên tịch này. Văn bản, giấy tờ phải được dịch ra ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ mà nước nơi đương sự cư trú hoặc có trụ sở chấp nhận.
- 3. Số lượng hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cần phải dịch ra tiếng nước ngoài là 02 bộ. Tòa án lưu 01 bộ hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng đã được dịch ra tiếng nước ngoài vào hồ sơ vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

Điều 7. Thông báo về chi phí tổng đạt và cách thức thu chi phí tổng đạt văn bản tố tụng tại cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

1. Cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận đăng tải thông tin về chi phí tổng đạt hồ sơ văn bản tố tụng theo đường bưu chính ở quốc gia đó trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình và Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao.

Trong trường hợp chi phí tổng đạt theo đường bưu chính chưa được cập nhật trên cổng thông tin điện tử của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao, thì Tòa án lập văn bản đề nghị cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận nơi đương sự cư trú hoặc có trụ sở cung cấp thông tin về chi phí tổng đạt. Tòa án gửi văn bản cho cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận thông qua hộp thư điện tử hoặc số máy Fax của cơ quan này đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Tòa án, cơ quan

đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận thông báo chi phí thông qua hộp thư điện tử hoặc số máy Fax của Tòa án đã đề nghị cung cấp thông tin.

2. Cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận mở tài khoản tại ngân hàng để thực hiện việc thu, thanh toán chi phí tổng đạt văn bản tố tụng theo đường bưu chính tại quốc gia tiếp nhận. Sau khi mở tài khoản, cơ quan đại diện của Việt Nam tại quốc gia tiếp nhận công bố thông tin về số tài khoản, tên, địa chỉ ngân hàng nơi mở tài khoản trên cổng thông tin điện tử của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao.

Phương án hai: chỉ mở một tài khoản ngân hàng (đề nghị Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao cho ý kiến về hai phương án này).

Điều 8. Nộp tiền tạm ứng, chi phí tổng đạt văn bản tố tụng

1. Trường hợp đương sự là công dân Việt Nam ở nước ngoài, thì sau khi lập hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng, Tòa án thông báo bằng văn bản cho người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt văn bản tố tụng để họ đến Tòa án nộp tiền tạm ứng và thanh toán chi phí tổng đạt ở trong nước và ở nước ngoài. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Số tiền tạm ứng phải nộp để Tòa án gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng bằng dịch vụ bưu chính ở trong nước đến cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận;

b) Số tiền phải nộp vào tài khoản, số tài khoản, địa chỉ của ngân hàng nơi cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận mở tài khoản;

c) Thời hạn nộp tiền tạm ứng tại Tòa án và nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận;

d) Người có nghĩa vụ nộp chi phí tổng đạt văn bản tố tụng không được tính chi phí chuyển tiền mà ngân hàng thu vào khoản tiền mà họ nộp vào tài khoản của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.

2. Trường hợp đương sự là người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, thì cùng với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án còn phải thông báo cho người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt biết về mức tiền tạm ứng, thời hạn nộp tiền tạm ứng để dịch, công chứng bản dịch hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này, người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt phải hoàn thành việc nộp tiền vào tài khoản của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận và đến Tòa án để nộp tiếp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt.

4. Khi đến Tòa án nộp tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt phải mang theo chứng từ của ngân hàng xác nhận đã nộp tiền vào tài khoản của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.

5. Khi nhận được chứng từ nộp tiền vào tài khoản ngân hàng quy định tại khoản 4 Điều này, Tòa án có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu khoản tiền mà đương sự đã nộp với số tiền cần phải nộp vào tài khoản ngân hàng của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận. Trong trường hợp phát hiện thấy đương sự chưa nộp đủ số tiền cần phải nộp vào tài khoản ngân hàng, thì Tòa án yêu cầu đương sự nộp bổ sung số tiền còn thiếu.

Chương II

THỦ TỤC GỬI, TIẾP NHẬN HỒ SƠ TỔNG ĐẠT VĂN BẢN TỐ TỤNG

Điều 9. Thủ tục gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

1. Tòa án gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận theo dịch vụ bưu phẩm bảo đảm quốc tế có chuyển hoàn kết quả sau khi nhận hồ sơ tổng đạt đã được dịch từ tổ chức dịch thuật hoặc sau khi người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt nộp đầy đủ tiền tạm ứng và chi phí tổng đạt theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này trong trường hợp đương sự là công dân Việt Nam.

2. Tòa án thanh toán chi phí gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho tổ chức bưu chính ở trong nước từ khoản tiền tạm ứng mà người có nghĩa vụ chịu chi phí tổng đạt đã nộp cho Tòa án.

Điều 10. Trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng tại cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 9 của Thông tư liên tịch này, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận giải quyết như sau:

a) Kiểm tra và vào sổ hồ sơ tổng đạt đã nhận được;

b) Kiểm tra, đối chiếu khoản tiền đã nhận được với chứng từ nộp tiền vào tài khoản ngân hàng được gửi kèm trong hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng;

c) Chứng thực bản sao từ bản chính các văn bản quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 5 của Thông tư liên tịch này để thực hiện niêm yết công khai theo yêu cầu của Tòa án trong trường hợp không nhận được kết quả chuyển giao hồ sơ từ tổ chức bưu chính ở quốc gia nước tiếp nhận.

d) Chuyển hồ sơ tổng đạt cho đương sự tại quốc gia tiếp nhận theo dịch vụ bưu chính thư bảo đảm có chuyển hoàn kết quả.

2. Trường hợp sau khi nhận được hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng mà phát hiện thấy địa chỉ của đương sự không đủ chi tiết đến mức không thể thực hiện được việc tổng đạt hoặc địa chỉ đó không có thật hoặc họ, tên, địa chỉ ở nước ngoài của đương sự được phiên âm ra tiếng Việt, thì cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận tạm dừng việc tổng đạt hồ sơ và thông báo bằng Fax hoặc thư điện tử cho Tòa án đã gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng về các sai sót này để lập lại hồ sơ mới. Sau khi nhận được hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng thay thế, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận gửi hồ sơ đó cho đương sự theo phương thức quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Chương III

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỔNG ĐẠT, NIÊM YẾT CÔNG KHAI, THÔNG BÁO TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỔNG ĐẠT VĂN BẢN TỐ TỤNG

Điều 11. Thông báo kết quả thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức bưu chính ở quốc gia tiếp nhận xác nhận đã hoàn thành hoặc không thực hiện được việc giao hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia đó lập thông báo kết quả tổng đạt và gửi kèm văn bản của tổ chức bưu chính cho Tòa án đã gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng.

2. Trường hợp nhận được văn bản của Tòa án đã gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của Thông tư liên tịch này đề nghị cung cấp kết quả thực hiện việc tổng đạt theo quy định tại khoản 4 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc khoản 4 Điều 305 của Luật tố tụng hành chính, thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Tòa án, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận yêu cầu tổ chức bưu chính ở nước đó cung cấp thông tin về việc chuyển giao hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng. Ngay sau khi nhận được thông báo của tổ chức bưu chính về việc chuyển giao hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận lập văn bản và gửi kèm thông báo của tổ chức bưu chính cho Tòa án đã đề nghị cung cấp kết quả thực hiện việc tổng đạt.

3. Trường hợp cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận đã yêu cầu tổ chức bưu chính cung cấp thông tin về việc chuyển giao hồ sơ văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng đã quá thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày yêu cầu mà không nhận được văn bản trả lời của tổ chức bưu chính, thì cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận lập văn bản thông báo cho Tòa án đề nghị cung cấp kết quả thực hiện việc tổng đạt về công việc đã thực hiện.

4. Thông báo của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được lập theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 12. Niêm yết công khai hồ sơ văn bản tố tụng và thông báo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

1. Trường hợp nhận được văn bản của Tòa án đã gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng đề nghị niêm yết công khai hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng và thông báo trên cổng thông tin điện tử theo quy định tại khoản 3 Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc khoản 3 Điều 303 của Luật tố tụng hành chính, thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Tòa án, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận tiến hành niêm yết công khai hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng tại trụ sở và công bố việc niêm yết công khai hồ sơ tổng đạt trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình (nếu có). Thời hạn niêm yết công khai hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng là 01 tháng, kể từ ngày niêm yết. Hết thời hạn này, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận thông báo cho Tòa án biết về công việc đã thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

2. Trường hợp trong vụ án ly hôn giữa nguyên đơn là công dân Việt Nam với người nước ngoài đang cư trú ở nước ngoài mà Tòa án đã yêu cầu xác minh địa chỉ của người nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 473 của Bộ luật tố tụng dân sự và đã yêu cầu nguyên đơn và người thân thích trong nước của đương sự ở nước ngoài (nếu có) cung cấp địa chỉ đúng hoặc địa chỉ mới của đương sự ở nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 477 của Bộ luật này nhưng không có kết quả, thì theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án lập văn bản đề nghị thông báo về việc giải quyết vụ án ly hôn trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận nơi người nước ngoài có quốc tịch hoặc nơi người nước ngoài đã cư trú.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Tòa án, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận tiến hành công bố về việc giải quyết vụ án trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình. Thời hạn công bố là 01 tháng, kể từ ngày công bố. Hết thời hạn này, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận lập và gửi thông báo cho Tòa án biết về công việc đã thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 13. Xử lý kết quả tổng đạt tại Tòa án đã gửi hồ sơ tổng đạt

Sau khi nhận được thông báo từ cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận theo quy định tại Điều 11 hoặc Điều 12 của Thông tư liên tịch này, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ việc dân sự hoặc vụ án hành chính theo quy định tại Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự hoặc Điều 305 của Luật tố tụng hành chính.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 14. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao

1. Hướng dẫn Tòa án nhân dân các cấp thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng thông qua cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.
2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao rà soát, tổng kết tình hình thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng tại Tòa án nhân dân và cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức các lớp bồi dưỡng pháp luật tố tụng, hướng dẫn nghiệp vụ cho các cán bộ, Thẩm phán của Tòa án nhân dân và cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng.
4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức các cuộc họp định kỳ để trao đổi thông tin, thảo luận, quyết định các biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng.
5. Phối hợp với Bộ Ngoại giao tổ chức đoàn liên ngành kiểm tra việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng tại các cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.
6. Cập nhật và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao về danh sách các quốc gia tiếp nhận cho phép cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự là công dân quốc gia đó và công dân của quốc gia khác cư trú, cơ quan, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại quốc gia tiếp nhận.
7. Thông báo cho Bộ Tư pháp về kết quả thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho công dân nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài theo quy định tại Thông tư liên tịch này khi có đề nghị.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Hướng dẫn, đôn đốc cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng theo đề nghị của Tòa án nhân dân các cấp và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền.
2. Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao tổ chức các lớp bồi dưỡng pháp luật tố tụng, hướng dẫn nghiệp vụ cho các cán bộ cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng.
3. Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao tổ chức đoàn liên ngành kiểm tra việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng tại các cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.
4. Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao tổ chức các cuộc họp định kỳ để trao đổi thông tin, thảo luận, quyết định các biện pháp phối hợp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng.
5. Chỉ đạo cập nhật thông tin về địa chỉ, cách thức liên hệ với các cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận trên cổng thông tin điện tử của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao.

6. Chỉ đạo đăng tải, cập nhật thông tin về chi phí dịch vụ bưu chính để gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng ở các quốc gia tiếp nhận trên cổng thông tin điện tử của Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận

1. Thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của Thông tư liên tịch này.
2. Đăng tải, cập nhật thông tin về chi phí dịch vụ bưu chính để gửi hồ sơ tổng đạt văn bản tố tụng trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình và Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao. Thông báo về chi phí này khi có đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng ở trong nước.
3. Định kỳ hàng năm, thông báo tình hình thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng cho Bộ Ngoại giao.

Điều 17. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân các cấp

1. Thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của Thông tư liên tịch này và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu, thông báo tình hình thực hiện công tác tổng đạt văn bản tố tụng cho Tòa án nhân dân tối cao.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày...tháng...năm 2017.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc cần được giải thích hoặc cần sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch, thì Tòa án nhân dân các cấp, cơ quan đại diện của Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh với Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Ngoại giao để giải thích, sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NGOẠI GIAO
THỨ TRƯỞNG**

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Chánh án TANDTC và Bộ trưởng BNG (để b/c);
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao.
- Lưu: VT (TANDTC) và (BNG).

FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN



Biểu mẫu

